VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 131 + 132)

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC DI TÍCH CẤP QUỐC GIA TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
I	**Di tích cấp Quốc gia đặc biệt**	
1	Di tích lịch sử Địa điểm Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút	Huyện Châu Thành
2	Di tích Lịch sử cách mạng Chiến thắng Ấp Bắc	Thị xã Cai Lậy
II	**Di tích cấp Quốc gia**	
1	Chùa Vĩnh Trường (nay là Vĩnh Tràng)	Thành phố Mỹ Tho
2	Chùa Bửu Lâm	Thành phố Mỹ Tho
3	Địa điểm chiến thắng Giồng Dứa	Huyện Châu Thành
4	Di tích Lịch sử cách mạng Đình Long Hưng	Huyện Châu Thành
5	Di tích Lịch sử - Địa điểm vụ thảm sát Chợ Giữa	Huyện Châu Thành
6	Di tích Khảo cổ học Gò Thành	Huyện Chợ Gạo
7	Di tích Lịch sử Địa điểm Chiến thắng Cổ Cò	Huyện Cái Bè
8	Đình Mỹ Lương	Huyện Cái Bè
9	Làng cổ Đông Hòa Hiệp	Huyện Cái Bè

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
10	Đình Long Trung	Huyện Cái Bè
11	Lăng Tứ Kiệt	Thị xã Cai Lậy
12	Di tích Lịch sử cách mạng Bến Đò Phú Mỹ	Huyện Tân Phước
13	Đình Điều Hòa	Thành phố Mỹ Tho
14	Đình Đồng Thạnh	Huyện Gò Công Tây
15	Di tích Lịch sử dân tộc Khu Mộ Nguyễn Hữu Huân	Huyện Chợ Gạo
16	Mộ và đền Trương Định	Thị xã Gò Công
17	Nhà Đốc Phủ Hải	Thị xã Gò Công
18	Lăng Hoàng Gia	Thị xã Gò Công
19	Di tích lịch sử dân tộc: Các địa điểm liên quan đến cuộc khởi nghĩa Trương Định: Đền thờ Trương Định; Đám Lá Tối Trời; Ao Dinh	Huyện Gò Công Đông
20	Di tích lịch sử dân tộc Lũy Pháo Đài	Huyện Tân Phú Đông

Phụ lục V

DANH MỤC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
A	**CAO TỐC, QUỐC LỘ**				
I	**Cao tốc**			**95,2**	
1	Tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông CT.01 (Đoạn qua tỉnh Tiền Giang là cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận)	Ranh tỉnh Long An	Ranh tỉnh Vĩnh Long	70,0	6 ÷ 8 làn xe
2	Hồng Ngự - Trà Vinh CT.36 (Đoạn qua tỉnh Tiền Giang, thuộc đoạn tuyến cao tốc Cao Lãnh - An Hữu)	Ranh tỉnh Đồng Tháp	Điểm nối vào cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận tại An Hữu	9,23	4 làn xe
3	Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT33) (Đoạn qua tỉnh Tiền Giang hướng tuyến nằm về phía Đông kênh Chợ Gạo)	Ranh tỉnh Long An	Ranh tỉnh Bến Tre	16	4 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
II	**Quốc lộ**			**258,4**	
1	Quốc lộ 1	Km 1954+790 ranh giới tỉnh Long An	Km 2028+134 (cầu Mỹ Thuận)	85,4	III, 4 làn xe
2	Đoạn tránh qua thị xã Cai Lậy	Km 1987+560 (quốc lộ 1)	Km 1998+661 (quốc lộ 1)	12,02	III, 2 làn xe
3	Quốc lộ 50	Km 36+300 (cầu Mỹ Lợi)	Km 88+626 (Giao với quốc lộ 1)	52,33	III, 2 - 4 làn xe
4	Quốc lộ 60	Km 0+000 (ngã ba Trung Lương)	Km 3+380 (cầu Rạch Miễu)	3,38	II - III, 2 - 6 làn xe
5	Quốc lộ 30	Km 0+000 (Giao với quốc lộ 1)	Km 8+010 (ranh giới tỉnh Đồng Tháp)	8,01	III, 2 - 4 làn xe
6	Quốc lộ 50B (Trục động lực Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang)	Ranh tỉnh Long An	Ngã ba Trung Lương (Tiền Giang)	15	II ÷ III, 6 làn xe
7	Quốc lộ 30B (đoạn qua địa bàn tỉnh Tiền Giang nâng cấp từ ĐT.865)	Ranh tỉnh Long An	Cầu Bằng Lăng (ranh tỉnh Đồng Tháp)	47,1	III, 2 - 4 làn xe
8	Quốc lộ 30C: Tiền Giang - Long An - Đồng Tháp (đoạn qua địa bàn tỉnh Tiền Giang nâng cấp từ ĐT.868)	Giao quốc lộ 1 tại thị xã Cai Lậy	Cầu Hai Hạt (ranh tỉnh Long An)	14	III, 2 - 4 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
9	Quốc lộ 62: Tiền Giang - Long An (đoạn qua địa bàn tỉnh Tiền Giang nâng cấp từ ĐH.18)	Ranh tỉnh Long An (bến đò Chợ Dinh)	Giao quốc lộ 50 tại ngã ba Hòa Đồng - thị trấn Vĩnh Bình	6,6	III, 4 làn xe
10	Đường bộ ven biển	Giao ĐT.871B tại xã Gia Thuận	Ranh tỉnh Bến Tre	26,62	III, 4 làn xe
B	**ĐƯỜNG TỈNH**				
I	**Đường tỉnh duy trì, nâng cấp (17 tuyến/199,3 km)**				
1	Đường tỉnh 861	Giao với quốc lộ 1 tại ngã ba xã An Thái Đông (huyện Cái Bè)	Ngã sáu Mỹ Trung (xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè)	15,3	III, 2 - 4 làn xe
2	Đường tỉnh 862	Giao với quốc lộ 50 tại xã Long Chánh (thị xã Gò Công)	Ngã 5 biển Tân Thành (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông)	16,89	III, 2 - 4 làn xe
3	Đường tỉnh 863	Giao với quốc lộ 1 tại Ngã ba Lộ Mới (xã Hậu Thành, huyện Cái Bè)	Ngã 6 Mỹ Trung (xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè)	15,73	IV, 2 - 4 làn xe
4	Đường tỉnh 866	Giao quốc lộ 1 tại ngã ba xã Tân Lý Tây	Giao quốc lộ 30B (xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước)	9,82	III, 2 - 4 làn xe
5	Đường tỉnh 869	Giao quốc lộ 1 (ngã ba An Cư, huyện Cái Bè)	Giao quốc lộ 30B (xã Mỹ Hậu Bắc B, huyện Cái Bè)	19,76	III, 4 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
6	Đường tỉnh 871	Ngã tư Nguyễn Văn Côn (phường 3, thị xã Gò Công)	Cảng Cá (thị trấn Vàm Láng)	13,24	III, 2 - 4 làn xe
7	Đường tỉnh 871B	Giao quốc lộ 50 (xã Tân Trung, thị xã Gò Công)	Tiếp giáp Cụm công nghiệp Gia Thuận 1	7,84	II, 4 - 6 làn xe
8	Đường tỉnh 873	Giao quốc lộ 50 (Ngã ba xã Thành Công, huyện Gò Công Tây và xã Long Chánh, thị xã Gò Công)	Giao quốc lộ 50 (xã Bình Đông, thị xã Gò Công)	13,62	III, 2 - 4 làn xe
9	Đường tỉnh 873B	Giao quốc lộ 50 (xã Long Chánh, thị xã Gò Công)	ĐH.10, Đường đê sông Vàm Cỏ (xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông)	17,59	II, 4 làn xe
10	Đường tỉnh 875	Giao quốc lộ 1 (Ngã ba Văn Cang - xã Phú An, huyện Cai Lậy)	Bến Sông Tiền (thị trấn Cái Bè)	4,69	Đạt tiêu chuẩn đường đô thị
11	Đường tỉnh 875B	Giao quốc lộ 1 (thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy)	Bến đò Hiệp Đức (xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy)	10,89	III, 4 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
12	Đường tỉnh 876	Giao quốc lộ 1 (Ngã ba Đông Hòa - huyện Châu Thành)	Giao ĐT.864 (Ngã ba Tây Hòa - xã Song Thuận, huyện Châu Thành)	8,6	III, 4 làn xe
13	Đường tỉnh 878B	Giao quốc lộ 1 (Ngã ba Hòa Tịnh - xã Tân Lý Tây và xã Tân Hương, huyện Châu Thành)	Giao ĐT.879B (xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo)	8,7	III, 2 - 4 làn xe
14	Đường tỉnh 878C	Giao quốc lộ 1 (Ngã tư Lương Phú - xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành)	Giao ĐT.879 (Chợ Bến Tranh - xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo)	1,29	III, 4 làn xe
15	Đường tỉnh 879	Giao đường Nguyễn Văn Giác (thành phố Mỹ Tho)	Giáp ranh tỉnh Long An (xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo)	15,36	IV - III, 4 làn xe
16	Đường tỉnh 879B	Giao đường Nguyễn Trung Trực (thành phố Mỹ Tho)	Ranh tỉnh Long An (xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo)	13,4	III, 2 - 4 làn xe
17	Đường tỉnh 879C	Giao quốc lộ 50 (xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo)	Ranh tỉnh Long An (xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo)	6,6	III, 2 - 4 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
II	**Đường tỉnh kéo dài, thay đổi hướng tuyến (15 tuyến/355,9 km)**				
1	Đường tỉnh 864	Giao quốc lộ 30	Ngã 5 biển Tân Thành	113,4	III, 2 - 4 làn xe
2	Đường tỉnh 866B	Giao quốc lộ 1 và ĐT.878B (xã Tân Hương, huyện Châu Thành)	Giao ĐT.867B (QH) (Đường phát triển vùng Đồng Tháp Mười)	10,94	III - II, 4 làn xe
3	Đường tỉnh 867	Cầu ngã 5 Hoàng Gia (giáp ranh tỉnh Long An)	Giao ĐT.864 (xã Song Thuận, huyện Châu Thành)	31	III, 4 làn xe
4	Đường tỉnh 868	Giao quốc lộ 1	Bến đò Thủy Tây - giáp sông Tiền (xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy)	13,36	III, 4 làn xe
5	Đường tỉnh 870	Giao ĐH.34 và Đường dẫn vào cầu Rạch Miễu 2	Giao ĐT.864 (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho và xã Bình Đức, huyện Châu Thành)	1,17	Đạt tiêu chuẩn đường đô thị
6	Đường tỉnh 870B	Vòng xoay Chùa Phước Lâm (Đường dẫn cao tốc Thành phố	Giao ĐT.864 (Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An)	13,35	Đạt tiêu chuẩn đường đô thị

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
		Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận			
7	Đường tỉnh 871C	Ngã tư Bình Ân (xã Long Thuận, thị xã Gò Công)	Đê biển xã Tân Điền (huyện Gò Công Đông)	10,77	III, 2 - 4 làn xe
8	Đường tỉnh 872	Giao quốc lộ 50 (Thị trấn Vĩnh Bình)	Giao ĐT.877 (xã Long Bình)	8,1	III, 4 làn xe
9	Đường tỉnh 872B	Giao ĐT.873 (cầu Bình Xuân, thị xã Gò Công)	Giao ĐT.877B (xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông)	17,5	III - II, 4 làn xe
10	Đường tỉnh 874	Giao ĐT.867 (thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước)	Giao ĐT.864 (xã Bàn Long, huyện Châu Thành)	14,0	III, 2 - 4 làn xe
11	Đường tỉnh 874B	Giao quốc lộ 1 (ngã ba Nhị Quý, thị xã Cai Lậy)	Giao ĐT.864 (xã Tam Bình, huyện Cai Lậy)	9,39	IV - III, 2 - 4 làn xe
12	Đường tỉnh 877	Giao ĐH.23C	Kênh Chợ Gạo - bến đò Quơn Long (xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo)	10,2	III, 4 làn xe
13	Đường tỉnh 877B	Giao quốc lộ 50 (Ngã ba xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo)	Đầu Cồn Ngang (xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông)	39,3	II, 4 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
14	Đường tỉnh 878	Đường dẫn cao tốc Đồng Tâm	Giao ĐT.865B (ĐH.40 QH)	21	II, 4 làn xe
15	Đường tỉnh 879D	Giao quốc lộ 50 (xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo)	Ranh tỉnh Long An (cống Rạch Tràm, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây)	12,05	III - II, 4 làn xe
III	**Đường tỉnh đầu tư nâng cấp từ đường huyện, xây dựng mới (15 tuyến/ 268,1 km)**				
1	Đường tỉnh 861B	Giao quốc lộ 30 (xã Tân Hưng, huyện Cái Bè)	Giao ĐT.869 (xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè)	25,36	IV - III, 4 làn xe
2	Đường tỉnh 862B (trục đô thị biển)	Giao ĐT.862 (thị xã Gò Công)	Giao Đường đê biển (xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông)	10,1	IV - III, 2 - 4 làn xe
3	Đường tỉnh 865B	Giao quốc lộ 30B (ĐT.865, QH) tại xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước	Ranh huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước)	28,8	IV - III, 2 - 4 làn xe
4	Đường tỉnh 866C	Giao ĐT.878 (huyện Tân Phước)	Giao ĐT.867B (huyện Tân Phước)	8,0	III, 2 - 4 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
5	Đường tỉnh 867B (Đường phát triển vùng Đồng Tháp Mười)	Giao ĐT.878 và Đường dẫn lên cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Thuận	Giao quốc lộ 30B (ĐT.865, QH) tại thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước	12,4	III - II, 2 - 4 làn xe
6	Đường tỉnh 868B	Giao quốc lộ 1 (thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy)	Giao quốc lộ 30B (ĐT.865, QH) tại xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy	12,0	III - II, 2 - 4 làn xe
7	Đường tỉnh 873C	Nút giao ĐT.871 - Đường nội ô Tân Tây (Ngã ba Tân Tây)	ĐH.10 (xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông)	5,0	III, 2 - 4 làn xe
8	Đường tỉnh 874C	Giao Đường tránh quốc lộ 1 (thị xã Cai Lậy)	Giao ĐT.864 (xã Tam Bình, huyện Cai Lậy)	9,6	III - II, 2 - 4 làn xe
9	Đường tỉnh 875C	Giao Đường dẫn cao tốc lên nút giao Cái Bè	Giao ĐT.864 (bến đò Cái Thia), xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè	12,1	IV, 2 làn xe
10	Đường tỉnh 877C	Giao quốc lộ 1 (huyện Châu Thành)	Giao quốc lộ 50 và ĐT.871B (thị xã Gò Công)	41,0	III - II, 4 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
11	Đường tỉnh 877D	Giao quốc lộ 50 (xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho)	Giao ĐT.879C (xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo)	8,89	IV - III, 2 - 4 làn xe
12	Đường tỉnh 880	Giao quốc lộ 60 (Nguyễn Thị Thập), thành phố Mỹ Tho	Giao quốc lộ 1 (xã An Cư, huyện Cái Bè)	35,25	IV - III, 2 - 4 làn xe
13	Đường tỉnh 880B	Giao ĐH.53 (xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy)	Giao ĐT.867 (xã Long Định, huyện Châu Thành)	9,6	IV - III, 2 - 4 làn xe
14	Đường gom song hành với cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	ĐT.878 (huyện Châu Thành, gần nút giao cao tốc)	Giao quốc lộ 30 (huyện Cái Bè)	50,0	III, 2 - 4 làn xe
15	Đường gom song hành với quốc lộ	Quy hoạch các đoạn tuyến đường gom theo nguyên tắc chạy dọc hai bên đường quốc lộ			V - IV, 1 - 2 làn xe
IV	**Đường vành đai**				
1	Đường đô thị của thành phố Mỹ Tho	Điểm đầu giao với quốc lộ 1 và ĐT.870, điểm cuối giao ĐT.864 (Đường dọc sông Tiền)			Đường đô thị lộ giới 46 m
2	Vành đai của thành phố Mỹ Tho	Điểm đầu tại Vòng xoay Đường dẫn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận, điểm cuối giao ĐT.864 (Đường dọc sông Tiền)			Đường đô thị lộ giới 46 m

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
3	Vành đai phía Tây Nam của thị xã Gò Công	Điểm đầu giao với quốc lộ 50 và ĐT.873, điểm cuối giao ĐT.862 (Ngã ba giao với ĐT.862B, quy hoạch)			Đường đô thị lộ giới 43 m
V	**Dự án cầu và đường tăng cường kết nối giao thông**				
1	Kết nối ĐT.873B với ĐT.873	Đoạn tuyến từ ngã ba giao giữa ĐT.873B và ĐH.98 kết nối thẳng đến ĐT.873 tại đoạn thẳng đến đường vào mố A cầu Bình Thành, bao gồm có 01 cầu lớn bắc qua rạch Gò Gừa		1,4	IV, 2 làn xe
2	Kết nối ĐT.863 với ĐT.861	Đoạn đường và cầu kết nối từ ĐT.863 qua ĐT.861 tại xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè		0,7	IV, 2 làn xe

Ghi chú:

- Việc đầu tư các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang phải phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị. Số làn xe đến năm 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau năm 2030 khi có nhu cầu thực tế.

Phụ lục VI

DANH MỤC CẢNG BIỂN, CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Cảng biển

STT	Tên cảng, bến	Chức năng	Cỡ tàu
1	Khu bến Gò Công trên sông Soài Rạp	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang và vùng phụ cận; có bến tổng hợp, container, bến cảng hàng rời, hàng lỏng/khí và bến khách	Trọng tải đến 70.000 tấn hoặc lớn hơn phù hợp với điều kiện khai thác của tuyến luồng hàng hải
2	Khu bến Mỹ Tho trên sông Tiền	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang; có bến tổng hợp, container, hàng rời, hàng lỏng/khí	Trọng tải đến 5.000 tấn
3	Các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão thuộc vùng nước cảng biển Tiền Giang tại cửa Soài Rạp, Gò Công, Mỹ Tho, Cù lao Thới Sơn (thành phố Mỹ Tho) và khu vực khác có đủ điều kiện.		

II. Cảng thủy nội địa

1. Cảng hàng hóa

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông/kênh	Công suất dự kiến (1.000T/năm)	Ghi chú
A	**Cảng hàng hóa theo quy hoạch quốc gia**				
1	Cảng Lê Thạch	Huyện Châu Thành	Sông Tiền	500	Cảng chuyên dùng

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông/kênh	Công suất dự kiến (1.000T/năm)	Ghi chú
2	Cảng nông sản thực phẩm Tiền Giang	Huyện Cái Bè	Sông Tiền	1.200	Cảng chuyên dùng
3	Cảng Thanh Hiếu	Huyện Châu Thành	Sông Tiền	800	Xây dựng mới
4	Cảng khác			500	Xây dựng mới
B	**Cảng, bến theo quy hoạch địa phương**				
1	Cảng cá Tiền Giang (Cảng cá Mỹ Tho di dời)	Huyện Chợ Gạo	Sông Tiền	1.000	Cảng chuyên dùng
2	Cảng cá Vàm Láng	Huyện Gò Công Đông	Sông Soài Rạp (rạch Cần Lộc)	8.000	Cảng chuyên dùng
3	Cảng kho Quang Trung		Sông Tiền	500	Cảng chuyên dùng
4	Cảng kho Bình Đức	Thành phố Mỹ Tho	Sông Tiền	500	Cảng chuyên dùng
5	Cảng Khu công nghiệp Dịch vụ dầu khí Soài Rạp	Huyện Gò Công Đông	Sông Soài Rạp	1.000	Cảng chuyên dùng
6	Cảng ngoại quan và thương mại dầu khí Nam Sông Hậu	Huyện Gò Công Đông	Sông Soài Rạp	1.000	Cảng chuyên dùng
7	Cảng Khu công nghiệp (tại thị trấn Mỹ Phước)	Huyện Tân Phước	Kênh Nguyễn Văn Tiếp	500	Xây dựng mới

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông/kênh	Công suất dự kiến (1.000T/năm)	Ghi chú
8	Cảng Khu công nghiệp (tại xã Phước Lập)	Huyện Tân Phước	Kênh Nguyễn Tấn Thành (kênh Xáng Long Định)	500	Xây dựng mới
9	Cảng khác			1.000	Xây dựng mới

2. Cảng hành khách

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông/kênh	Cỡ tàu lớn nhất (ghế)	Công suất dự kiến (nghìn lượt hành khách/năm)
A	**Cụm cảng khách theo quy hoạch của quốc gia**				
	Cụm cảng khách Tiền Giang		Sông Tiền	120	2.000
B	**Cụm cảng khách theo quy hoạch của địa phương**				
1	Cảng du thuyền Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Sông Tiền	300	2.000
2	Cảng khách Cái Bè	Huyện Cái Bè	Sông Tiền	250	800
3	Cảng khách sông Soài Rạp	Huyện Gò Công Đông	Sông Soài Rạp	250	1.200
4	Cảng khác				1.000

Ghi chú:

- Hệ thống cảng Tiền Giang phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021; quy hoạch, kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Các tuyến đường thủy nội địa phải phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẤP ĐIỆN TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Danh mục các khu vực tiềm năng phát triển các nguồn điện

STT	Công trình	Dự kiến địa điểm	Quy mô, công suất (MW)	Ghi chú
I	**Điện gió**			
	Khu vực điện gió Tân Thành	Huyện Gò Công Đông	100	
II	**Điện mặt trời**	Tỉnh Tiền Giang	600	
III	**Điện rác**	Huyện Tân Phước	10	
IV	**Nhà máy sản xuất hydrogen**	Huyện Gò Công Đông	400	
V	**Nhà máy chế biến Condensate Nam Sông Hậu (Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)**	Huyện Gò Công Đông	500.000 tấn/năm	Xây dựng mới
VI	**Dự án đường ống dẫn khí trên bờ**			
1	Mở rộng hệ thống đường ống phân phối khí tự nhiên/LNG tái hóa đến các hộ tiêu thụ, khu công nghiệp tại các tỉnh trong đó có Tiền Giang,...**		Toàn hệ thống 0,5 - 3 tỷ m^3/ năm, chiều dài 70 km	Mở rộng

STT	Công trình	Dự kiến địa điểm	Quy mô, công suất (MW)	Ghi chú
2	Hệ thống cung cấp khí thấp áp tại các Khu công nghiệp tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang (ngoài các dự án quan trọng ưu tiên đầu tư)		0,2 tỷ m^3/ năm, chiều dài 20 km	Xây dựng mới

II. Lưới điện 500kV (đưa vào vận hành giai đoạn 2021 - 2030)

TT	Tên trạm biến áp/đường dây	Công suất/ số mạch xkm	Ghi chú
1	**Trạm biến áp 500kV**		
	Tiền Giang	900 MVA	Xây mới
2	**Đường dây 500kV**		
2.1	Sông Hậu - Đức Hòa (giai đoạn 2)	2x97 km	Xây mới, đồng bộ nhiệt điện Sông Hậu I; giai đoạn 1 đã hoàn thành năm 2020
2.2	Tiền Giang - Rẽ Ô Môn - Mỹ Tho	4x5 km	Xây mới, đấu nối trạm biến áp 500 kV Tiền Giang

III. Lưới điện 220kV (đưa vào vận hành giai đoạn 2021 - 2030)

TT	Tên trạm biến áp/ đường dây	Công suất/ số mạch xkm	Ghi chú
1	**Trạm biến áp 220kV**		
1.1	Tân Phước (Cái Bè)	500 MVA	Xây mới, tên khác của Trạm biến áp 220kV Cái Bè trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên trạm biến áp/ đường dây	Công suất/ số mạch xkm	Ghi chú
1.2	Gò Công	500 MVA	Xây mới
1.3	Mỹ Tho	500 MVA	Cải tạo
1.4	Cai Lậy	500 MVA	Cải tạo
2	**Đường dây 220kV**		
2.1	Gò Công - Cần Đước	2x27 km	Xây mới
2.2	Tân Phước (Cái Bè) - Rẽ 500 kV Mỹ Tho - Long An	4x7 km	Xây mới
2.3	Mỹ Tho - Rẽ Mỹ Tho 500 kV - Cần Đước (mạch 2)	2x4 km	Đấu nối trạm 220 kV Mỹ Tho chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của đường dây 220 kV Mỹ Tho - 500 kV Cần Đước
2.4	Nâng khả năng tải Mỹ Tho 500 kV - Mỹ Tho - Cần Đước	2x55 km	Cải tạo nâng khả năng tải
2.5	500 kV Tiền Giang - Rẽ Vĩnh Long - Sa Đéc	4x15 km	Xây mới
2.6	500 kV Tiền Giang - Rẽ Cai Lậy - Cao Lãnh	4x4 km	Xây mới
2.7	Mỏ Cày - 500 kV Mỹ Tho	2x42	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

IV. Trạm biến áp 110kV và trạm biến áp trung áp 22kV

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	**Công suất dự kiến năm 2030**	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
I	**Trạm biến áp 110 kV**			

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
1	Long Giang	3x63	5x63	Nâng cấp, cải tạo
2	Mỹ Thuận	25+40	2x40	Nâng cấp, cải tạo
3	Mỹ Tho 2 (nối cấp)	40+63	2x63	Nâng cấp, cải tạo
4	Mỹ Tho	25	40+63	Nâng cấp, cải tạo
5	Gò Công Tây	2x40	40+63	Nâng cấp, cải tạo
6	Gò Công	2x40	40+63	Nâng cấp, cải tạo
7	Cai Lậy (nối cấp)	2x40	2x63	Nâng cấp, cải tạo
8	Khu công nghiệp Tân Phước 1		40+63	Xây dựng mới
9	Tân Phước		40+63	Xây dựng mới
10	Châu Thành		2x63	Xây dựng mới
11	Tân Mỹ Chánh		2x63	Xây dựng mới
12	Thanh Bình		2x63	Xây dựng mới
13	Soài Rạp (DVDK)		2x40	Xây dựng mới
14	Tân Phú Đông		40	Xây dựng mới
15	Gò Công Đông		40	Xây dựng mới
16	Khu công nghiệp Tân Phước 2		2x63	Xây dựng mới
17	Mỹ Hội		2x40	Xây dựng mới
18	Long Trung		63	Xây dựng mới
19	Thân Cửu Nghĩa		63	Xây dựng mới
20	Nhị Bình		63	Xây dựng mới
21	Bình Đông		2x40	Xây dựng mới

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
22	Phú Cường		Trạm cắt	Xây dựng mới
23	Gia Thuận		40	Xây dựng mới
24	Thạnh Tân		3x63	Xây dựng mới
25	Điện gió Tân Thành 1		63	Xây dựng mới
26	Nhà máy sản xuất hydrogen		2x63	Xây dựng mới
II	**Trạm biến áp trung áp 22kV**	**120,8**	**120,8/1624,8**	**Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới**
1	Thị xã Cai Lậy	6,38	6,38/90,65	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
2	Huyện Cái Bè	10,12	10,12/306,50	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
3	Huyện Cai Lậy	6,73	6,73/104,31	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
4	Huyện Tân Phước	11,13	11,13/206,30	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
5	Thành phố Mỹ Tho	30,73	30,73/179,02	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
6	Huyện Châu Thành	10,91	10,91/178,66	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
7	Huyện Chợ Gạo	12,43	12,43/211,40	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
8	Thị xã Gò Công	4,55	4,55/104,44	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
9	Huyện Gò Công Tây	6,8	6,8/73,56	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
10	Huyện Gò Công Đông	8,19	8,19/137,87	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
11	Huyện Tân Phú Đông	12,84	12,84/32,38	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới

V. Đường dây 110kV và đường dây trung áp 22kV

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú (Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
I	**Đường dây 110 kV**			
I.1	**Nâng cấp, cải tạo**			
1	Phân pha ĐD Mỹ Tho 2 - Tân An	1x24,3	1x24,3	Tăng cường khả năng tải
2	Phân pha ĐD Cai Lậy - Cái Bè - Mỹ Thuận	1x31,5	1x31,5	Tăng cường khả năng tải
3	Phân pha ĐD Mỹ Tho 2 - Tân Hương	1x19	1x19	Tăng cường khả năng tải
4	Phân pha ĐD Cai Lậy - TC Tân Thạnh	1x27,3	1x27,3	Tăng cường khả năng tải
5	Phân pha ĐD Mỹ Tho 2 - Tầm Vu	1x29,8	1x29,8	Tăng cường khả năng tải
6	Phân pha ĐD Cai Lậy - Mỹ Tho 2	2x22,7	2x22,7	Tăng cường khả năng tải
7	Phân pha ĐD Trạm 220kV Cao Lãnh - Mỹ Thuận	1x6,083	1x6,083	Tăng cường khả năng tải; chiều dài trên đất

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú (Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
8	Phân pha ĐD Long An - Tân Hương	1x8,244	1x8,244	Tăng cường khả năng tải
I.2	**Xây dựng mới**			
1	Cần Đước 2 - Gò Công - Mỹ Tho 2		2x67	Xây dựng mới. Đấu nối vào thanh cái 110kV trạm 220kV Mỹ Tho 2
2	Đấu nối Tr.110kV Châu Thành		2x7,5	Xây dựng mới. Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Cai Lậy - Mỹ Tho 2
3	Đấu nối Tr.110kV Tân Mỹ Chánh		2x2	Xây dựng mới. Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV mạch 02 Mỹ Tho 2 - Gò Công
4	Đấu nối Tr.110 kV Khu công nghiệp Tân Phước 1		2x4	Xây dựng mới. Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Mỹ Tho 2 - Khu công nghiệp Long Giang
5	Đấu nối Tr.110kV Soài Rạp		2x14	Xây dựng mới. Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV mạch 02 Gò Công - Cần Đước

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú (Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
6	ĐD 110kV Khu công nghiệp Tân Phước 1 - Tr.110kV Tân Phước - Phú Cường - Mỹ Hội - Mỹ Thuận		2x62	Xây dựng mới. Kết vòng lưới điện 110kV
7	Lộ ra 110kV Tr.220kV Gò Công		2x	Xây dựng mới
+	ĐD 4 mạch chuyển tiếp trên ĐD 02 mạch Cần Đước - Gò Công (xây dựng mới)		4x1	Xây dựng mới
+	Trạm biến áp 220kV Gò Công - trạm biến áp 110kV Soài Rạp (DVDK)		2x1	Xây dựng mới
+	ĐD 2 mạch chuyển tiếp trên ĐD 01 mạch Cần Đước - Gò Công (hiện hữu)		2x4	Xây dựng mới. Xem xét đi chung cột với đường dây 220kV đấu nối trạm 220kV Gò Công khoảng 4 km (thiết kế cột 4 mạch: 2 mạch 220kV, 2 mạch 110kV)
8	Lộ ra 110kV Tr.220kV Cái Bè (Tại vị trí huyện Tân Phước)		2x	Xây dựng mới
+	ĐD 4 mạch chuyển tiếp trên ĐD 02 mạch Khu công nghiệp Tân Phước 1 - Tr.110kV Tân Phước - Phú Cường - Mỹ Hội - Mỹ Thuận		4x1	Xây dựng mới

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú (Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
+	ĐD 2 mạch chuyển tiếp vào ĐD Mỹ Tho 2 - Tân Hương - Long An		2x13	Xây dựng mới
9	Đấu nối trạm Thạnh Tân		2x10	Xây dựng mới. Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Tân Phước - Phú Cường
10	Đấu nối Tr.110kV Tân Phú Đông		2x11	Xây dựng mới. Chuyển tiếp trên đường dây 110kV mạch 2 từ trạm 220kV Gò Công - trạm 220kV Mỹ Tho 2
11	Đấu nối Tr.110KV Gò Công Đông		2x6	Xây dựng mới. Chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ Điện gió Tân Phú Đông 2 - trạm 110kV Gò Công
12	Đấu nối Tr.110kV Thanh Bình		2x3,5	Xây dựng mới. Chuyển tiếp trên đường dây 110kV mạch 02 Mỹ Tho 2 - Gò Công
13	Đấu nối Tr.110kV Tân Phước		2x1	Xây dựng mới. Chuyển tiếp trên mạch 2 đường dây 110kV từ trạm 220kV Cái Bè - trạm cắt Phú Cường

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú (Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
14	Đấu nối Điện gió Tân Phú Đông 1		2x5,5	Xây dựng mới. Chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ trạm 110kV Gò Công - Tân Phú Đông
15	Long Giang - Rẽ Mỹ Tho 2 - Khu công nghiệp Tân Phước 1		2x1	Xây dựng mới. Tăng cường cấp điện cho Long Giang
16	Đấu nối Tr.110kV Mỹ Hội		2x1	Xây dựng mới. Chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV Mỹ Thuận - trạm cắt Phú Cường
17	Đấu nối Tr.110kV Khu công nghiệp Tân Phước 2		2x0,5	Xây dựng mới. Chuyển tiếp trên mạch 1 đường dây 110kV từ trạm 220kV Cái Bè - trạm cắt Phú Cường
18	Đấu nối Tr.110KV Khu công nghiệp Bình Đông		2x7,5	Xây dựng mới. Chuyển tiếp trên đường dây 110kV mạch 01 Gò Công - Cần Đước
19	Tr.110KV Đ.gió Tân Thành 1 - Rẽ Đ.Gió Tân Phú Đông 2 - Gò Công Đông		2x1	Xây dựng mới

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú (Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
20	Xây dựng đường dây 110kV mạch kép trạm 220kV Bến Tre - Trạm 220kV Mỹ Tho 2		2x15	Xây dựng mới
21	TBA 220kV Cai Lậy - trạm biến áp 110kV Long Trung		2x11	Xây dựng mới. Đấu nối trạm biến áp 110kV Long Trung
22	Đấu nối trạm 110kV Thân Cửu Nghĩa		2x1	Xây dựng mới. Đấu chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ trạm 220kV Mỹ Tho 2 - Long Giang
23	Đấu nối trạm 110kV Gia Thuận		2x4	Xây dựng mới. Đấu chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ trạm 220kV Gò Công - Soài Rạp
24	Trạm 110kV NM SX Hydrogen - Rẽ Đ.Gió Tân Phú Đông 2 - Gò Công		2x0,6	Xây dựng mới
II	**Đường dây trung áp (22kV)**	**870**	**870/1999,2**	**Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới**
1	Thị xã Cai Lậy	38,4	38,4/125,5	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
2	Huyện Cái Bè	154	154/272,8	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
3	Huyện Cai Lậy	45,3	45,3/208,5	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú (Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
4	Huyện Tân Phước	96	96/282,1	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
5	Thành phố Mỹ Tho	78	78/129,2	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
6	Huyện Châu Thành	92	92/251,1	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
7	Huyện Chợ Gạo	96	96/191,2	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
8	Thị xã Gò Công	43,1	43,1/119,3	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
9	Huyện Gò Công Tây	68	68/119	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
10	Huyện Gò Công Đông	73	73/225,5	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới
11	Huyện Tân Phú Đông	86	86/75,1	Cải tạo nâng cấp/ Xây dựng mới

Ghi chú:

- Hạ tầng cấp điện tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và việc đầu tư, quy mô, số lượng các dự án phát triển nguồn điện, các trạm biến áp, các tuyến đường dây trên địa bàn phải phù hợp, đồng bộ với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định; phải phù hợp với quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch, kế hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục VIII

DỰ KIẾN DANH MỤC KHO DỰ TRỮ XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Công trình	Dự kiến địa điểm	Quy mô, công suất (m^3)			Ghi chú
			Hiện trạng	Công suất dự kiến đến năm 2030*	Công suất tiềm năng	
I	**Hạ tầng dự trữ xăng dầu mở rộng**					
1	Tổng kho xăng dầu Hồng Đức	Số 206, ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành	13.710	23.710		Mở rộng
2	Kho xăng dầu Soài Rạp - Hiệp Phước	Ấp Đôi Ma, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông	60.000	205.000		Mở rộng
3	Kho xăng dầu Bình Đức	Phường 6, thành phố Mỹ Tho	5.400	12.000		Mở rộng
4	Hạ tầng dự trữ LPG	Huyện Gò Công Đông	1.000	15.000	20.000	Mở rộng
II	**Danh mục hạ tầng dự trữ xăng dầu đầu tư, xây dựng mới**					
1	Tổng kho xăng dầu Soài Rạp	Ấp Chợ, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông		520.000		Xây mới
2	Kho xăng dầu DKC Tiền Giang (Thuộc dự án tổng kho xăng dầu - khí hóa lỏng và các sản phẩm sau dầu mỏ)	Xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông		300.000		Xây mới

Ghi chú:

- Quy hoạch hạ tầng kho xăng dầu, khí đốt của tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch, kế hoạch liên quan và được cấp thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các công trình, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư sẽ được xác định, tính toán chính xác trong quá trình lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục IX

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Danh mục công trình thủy lợi

STT	Tên dự án	Địa điểm	Nguồn vốn
1	Cống âu Nguyễn Tấn Thành thuộc Dự án công trình kiểm soát nguồn nước kênh Nguyễn Tấn Thành và bờ hữu sông Vàm Cỏ Tây	Huyện Châu Thành	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 1)	Huyện Châu Thành, huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 2)	Huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Gò Công	Huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo, thị xã Gò Công	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
5	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Bảo Định (thuộc 02 tỉnh: Long An và Tiền Giang)	Huyện Chợ Gạo, huyện Tân Phước, huyện Châu Thành, thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
6	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống đê và trạm bơm vùng chuyên canh khóm huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

STT	Tên dự án	Địa điểm	Nguồn vốn
7	Hoàn thiện ô bao Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp B - Kênh 5, huyện Cái Bè	Huyện Cái Bè	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
8	Hoàn thiện ô bao Tây, Đông kênh Mỹ Long - Bà Kỳ	Thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
9	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ nuôi trồng thủy sản ấp Cồn Cống, xã Phú Tân và ấp Gảnh xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
10	Xây dựng đê và các cống ngăn mặn Cù lao Ngũ Hiệp	Huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
11	Đầu tư xây dựng đê và các cống ngăn mặn cù lao Tân Phong	Huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
12	Đầu tư xây dựng đê và các cống ngăn mặn cù lao Thới Sơn	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
13	Hoàn thiện ô bao Tây sông Phú An huyện Cai Lậy và khu 3, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè	Huyện Cai Lậy, huyện Cái Bè	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
14	Hoàn thiện ô bao Bắc quốc lộ 1 Nam cao tốc	Huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
15	Chống ngập thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
16	Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả đầu tư Dự án chuyển nước ngọt qua kênh Chợ Gạo cấp nước cho vùng ngọt hóa Gò Công	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước

STT	Tên dự án	Địa điểm	Nguồn vốn
17	Nghiên cứu và đầu tư dự án xây dựng cống Hàm Luông kiểm soát xâm nhập mặn cho Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long	Tỉnh Bến Tre	Ngân sách trung ương
18	Nghiên cứu và đầu tư dự án xây dựng cống trên sông Vàm Cỏ kiểm soát xâm nhập mặn cho Tiền Giang, Long An	Tỉnh Long An	Ngân sách trung ương
19	Hệ thống thủy lợi Cả Nai - Cây Còng và Cầu Gió - Cả Nai	Thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
20	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi bảo vệ vườn chuyên canh cây ăn trái	Huyện Cái Bè, huyện Cai Lậy, thị xã Cai Lậy, huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
21	Xây dựng hệ thống quan trắc và dự báo xâm nhập mặn phục vụ quản lý hệ thống thủy lợi tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
22	Đầu tư 2 cống trên hai đầu sông Cửa Trung để tạo thành hồ chứa nước ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho toàn huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
23	Nâng cấp mở rộng ao nước từ 6 ha lên 20 ha phục vụ sản xuất và sinh hoạt	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
24	Điều tra đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước quan trọng tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước

STT	Tên dự án	Địa điểm	Nguồn vốn
25	Lập danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước chính quan trọng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước
26	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống giám sát chất lượng nước mặt, giám sát xả thải trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước
27	Xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên nước và kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước

2. Danh mục công trình phòng chống thiên tai

STT	Tên dự án	Địa điểm	Nguồn vốn
1	Bờ kè sông Ba Rài	Thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Nâng cấp đê biển Gò Công (giai đoạn 2)	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Xử lý sạt lở khu vực Cồn Ngang, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Xử lý xói lở bờ biển Gò Công đoạn từ cầu Rạch Bùn đến Đèn Đỏ	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
5	Đê dự phòng bờ Đông kênh Ba	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

STT	Tên dự án	Địa điểm	Nguồn vốn
6	Nâng cấp tuyến đê Bắc Gò Công	Huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
7	Nâng cấp tuyến đê Nam Gò Công	Huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
8	Tuyến đê biển Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
9	Nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đê ven sông Cửa Đại, Cửa Trung và Cửa Tiểu	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
10	Đê dọc hai bên rạch Bà Từ	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
11	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực cù lao Tân Phong, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy	Huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
12	Xử lý sạt lở sông Tiền tại cù lao Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
13	Xử lý sạt lở sông Tiền tại xã Tân Mỹ Chánh (Đoạn từ tiếp giáp kè phường 2 đến Vàm Kỳ Hôn)	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
14	Xử lý sạt lở đê ven sông Tiền tại 3 xã Hòa Hưng, An Hữu, Tân Thanh - huyện Cái Bè (đoạn 2)	Huyện Cái Bè	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
15	Công trình chống xói lở cù lao Tân Long, thành phố Mỹ Tho, 1500 m	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

STT	Tên dự án	Địa điểm	Nguồn vốn
16	Xói lở bờ sông Tiền (đoạn đầu Vàm Kỳ Hôn, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo) - Đoạn 2	Huyện Chợ Gạo	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
17	Xử lý sạt lở bờ sông Cái Bè (kênh 28)	Huyện Cái Bè	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
18	Cụm công trình xử lý sạt lở tại các xã	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
19	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực bến phà Tân Long, huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
20	Xử lý sạt lở bờ sông khu vực đầu mõm xã Tân Thới	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
21	Xử lý sạt lở bờ sông, kênh, rạch các ô bao bảo vệ vườn cây ăn trái phía Tây	Huyện Cái Bè, huyện Cai Lậy, huyện Châu Thành và thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

3. Danh mục các trạm bơm

STT	Tên huyện	Hiện có	Nhu cầu xây dựng trong thời gian tới
1	Huyện Cái Bè	8	82
2	Huyện Cai Lậy	7	56
3	Thị xã Cai Lậy	0	21
4	Huyện Châu Thành	0	14
5	Huyện Tân Phước	135	8
6	Thành phố Mỹ Tho	0	0
7	Huyện Chợ Gạo	0	1

STT	Tên huyện	Hiện có	Nhu cầu xây dựng trong thời gian tới
8	Huyện Gò Công Tây	4	10
9	Thị xã Gò Công	0	8
10	Huyện Gò Công Đông	0	0
11	Huyện Tân Phú Đông	1	0
TỔNG		155	200

Ghi chú:

- Các công trình thủy lợi tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục X

DANH MỤC NHÀ MÁY NƯỚC, TUYẾN ỐNG TRUYỀN TẢI VÀ ĐƯỜNG ỐNG CẤP 1 TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Nguồn vốn
1	Mạng lưới đường ống cấp nước phía Đông và Trạm bơm tăng áp Gò Công	Các huyện, thành, thị	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Đầu tư mạng lưới cấp nước thứ cấp phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn	Các huyện, thành, thị	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Hỗ trợ nâng chất lượng nước của các trạm cấp nước	Các huyện, thành, thị	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Trạm bơm nước thô và hệ thống ống truyền tải	Các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Châu Thành, thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
5	Nhà máy nước Hiệp Đức	Huyện Cai Lậy	Vốn doanh nghiệp
6	Nhà máy nước huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Vốn doanh nghiệp

Ghi chú:

- Các công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021 - 2023 phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục XI

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC CỦA KHU VỰC ĐÔ THỊ TỈNH TIỀN GIANG DỰ KIẾN ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ))

STT	Tên nhà máy	Vị trí dự kiến	Công suất dự kiến (m^3/ng.đ)	Nguồn tiếp nhận	Hệ thống thu gom dự kiến
1	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	- Trạm số 1: 19.600. - Trạm số 2: 20.000.	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng và chung
2	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã Gò Công	Thị xã Gò Công	- Trạm số 1: 5.000. - Trạm số 2: 20.000. - Trạm số 3: 1.000.	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng
3	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	- Trạm số 1: 4.000. - Trạm số 2: 12.000.	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng
4	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Cai Lậy	Huyện Cai Lậy	- Thị trấn Bình Phú: 03 trạm là 7.500. - Đô thị Long Trung: + Trạm số 1: 700. + Trạm số 2: 700. - Đô thị Mỹ Thành Nam: + Trạm số 1: 350. + Trạm số 2: 350. + Trạm số 3: 500.	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng

STT	Tên nhà máy	Vị trí dự kiến	Công suất dự kiến (m^3/ng.đ)	Nguồn tiếp nhận	Hệ thống thu gom dự kiến
5	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành	- Thị trấn Tân Hiệp: + Trạm số 1: 300. + Trạm số 2: 700. + Trạm số 3: 2000. + Trạm số 4: 900. - Đô thị Vĩnh Kim: + Trạm số 1: 590. + Trạm số 2: 405. + Trạm số 3: 296. + Trạm số 4: 249. - Đô thị Long Định: theo quy hoạch được duyệt.	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng
6	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Gò Công Tây	Huyện Gò Công Tây	- Thị trấn Vĩnh Bình: + Trạm số 1: 3.050. + Trạm số 2: 1.200. - Đô thị Long Bình: + Trạm số 1: 800. + Trạm số 2: 960. - Đô thị Đồng Sơn: (Trạm: 1.320).	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng
7	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo	- Thị trấn Chợ Gạo: 2 trạm với tổng 6.020. - Đô thị Bến Tranh: theo quy hoạch được duyệt.	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng và chung
8	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Cái Bè	Huyện Cái Bè	- Thị trấn Cái Bè: + Trạm số 1: 2.400. + Trạm số 2: 2.000. + Trạm số 3: 1.200.	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng và chung

STT	Tên nhà máy	Vị trí dự kiến	Công suất dự kiến (m^3/ng.đ)	Nguồn tiếp nhận	Hệ thống thu gom dự kiến
			- Đối với đô thị An Hữu: Trạm: 2.300. - Đô thị Thiên Hộ: Trạm: 2.000. - Đối với đô thị Hòa Khánh: theo quy hoạch được duyệt.		
9	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Gò Công Đông	Huyện Gò Công Đông	- Thị trấn Vàm Láng: 4 trạm: với tổng là 7.000. - Thị trấn Tân Hòa, Tân Tây: theo quy hoạch được duyệt	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng và chung
10	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Theo quy hoạch được duyệt	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng và chung
11	Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	- Thị trấn Mỹ Phước: theo quy hoạch được duyệt. - Đô thị Phú Mỹ: 03 trạm với tổng khoảng 1.700.	Sông và kênh rạch trong khu vực	Thoát nước riêng và chung

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Xây dựng hệ thống thoát nước theo từng giai đoạn đồng bộ với phát triển không gian đô thị và khu công nghiệp tập trung, phải đảm bảo quy chuẩn môi trường hiện hành.

- Các đối tượng xả nước thải ở khu vực ngoài trung tâm đô thị cần xây dựng bể tự hoại đúng quy cách để xử lý nước thải tại chỗ trước khi xả ra cống thoát nước.

Phụ lục XII

DANH MỤC KHU XỬ LÝ, NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN DỰ KIẾN TỈNH TIỀN GIANG DỰ KIẾN ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm
1	Khu xử lý chất thải rắn khu vực phía Đông của tỉnh	Huyện Gò Công Đông
2	Khu xử lý chất thải rắn khu vực phía Tây của tỉnh	Huyện Tân Phước
3	Nhà máy xử lý rác Bình Tân	Huyện Gò Công Tây
4	Nhà máy xử lý rác Tân Lập 1	Huyện Tân Phước
5	Nhà máy xử lý rác công nghiệp, thu gom xử lý chất thải nguy hại	Tỉnh Tiền Giang

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG Y TẾ TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm
I	**Danh mục hạ tầng y tế dự kiến nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế**	
A	**Công lập**	
1	Bệnh viện đa khoa vùng, quy mô 500 - 1000 giường (theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	Thành phố Mỹ Tho
2	Trung tâm Chấn thương chỉnh hình - Phục hồi chức năng thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho
3	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	Thành phố Mỹ Tho
4	Bệnh viện Tâm thần	Huyện Châu Thành
5	Bệnh viện Phụ sản	Thành phố Mỹ Tho
6	Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Mỹ Tho
7	Bệnh viện 250 giường (tiếp nhận từ BVĐK cũ)	Thành phố Mỹ Tho
8	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy
9	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	Thị xã Gò Công
10	Hạ tầng kỹ thuật xung quanh Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho
11	Trung tâm Y tế huyện Cái Bè	Huyện Cái Bè
12	Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy (cơ sở Phú Cường)	Huyện Cai Lậy
13	Trung tâm Y tế huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước
14	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành
15	Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo
16	Trung tâm Y tế huyện Gò Công Tây	Huyện Gò Công Tây

STT	Tên dự án	Địa điểm
17	Trung tâm Y tế huyện Gò Công Đông	Huyện Gò Công Đông
B	**Ngoài công lập**	
1	Bệnh viện đa khoa Anh Đức	Thành phố Mỹ Tho
2	Bệnh viện đa khoa Tâm Minh Đức	Thành phố Mỹ Tho
3	Các cơ sở y tế ngoài công lập khác	Tỉnh Tiền Giang
II	**Danh mục hạ tầng y tế dự kiến xây mới**	
A	**Công lập**	
1	Trung tâm Giám định Y khoa	Thành phố Mỹ Tho
2	Trung tâm Pháp y	Thành phố Mỹ Tho
3	Trung tâm Kiểm nghiệm, kiểm soát bệnh tật Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho
4	Bệnh viện Mắt Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho
5	Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho
6	Trung tâm Y tế thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy
B	**Ngoài công lập**	
1	Trung tâm Dưỡng lão huyện Cai Lậy	Huyện Cai Lậy
2	Trung tâm Dưỡng lão huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước
3	Trung tâm Dưỡng lão huyện Gò Công Đông	Huyện Gò Công Đông

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình y tế khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Khối trường trung học phổ thông

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
I	**Danh mục hạ tầng giáo dục đào tạo nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị**	
1	THPT Cái Bè	Huyện Cái Bè
2	THPT Phạm Thành Trung	Huyện Cái Bè
3	THPT Thiên Hộ Dương	Huyện Cái Bè
4	THPT Huỳnh Văn Sâm	Huyện Cái Bè
5	THPT Lê Thanh Hiền	Huyện Cái Bè
6	THCS - THPT Ngô Văn Nhạc	Huyện Cái Bè
7	THPT Đốc Binh Kiều	Thị xã Cai Lậy
8	THPT Lê Văn Phẩm	Thị xã Cai Lậy
9	THPT Tứ Kiệt	Thị xã Cai Lậy
10	THPT Lưu Tấn Phát	Huyện Cai Lậy
11	THPT Phan Việt Thống	Huyện Cai Lậy
12	THPT Nguyễn Văn Tiếp	Huyện Tân Phước
13	THPT Tân Phước	Huyện Tân Phước
14	THPT Tân Hiệp	Huyện Châu Thành
15	THPT Vĩnh Kim	Huyện Châu Thành
16	THPT Dưỡng Điềm	Huyện Châu Thành
17	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Châu Thành
18	THPT Rạch Gầm Xoài Mút	Huyện Châu Thành
19	THPT Chuyên Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho
20	THPT Nguyễn Đình Chiểu	Thành phố Mỹ Tho
21	THPT Trần Hưng Đạo	Thành phố Mỹ Tho
22	THPT Phước Thạnh	Thành phố Mỹ Tho
23	THPT Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
24	THPT Bình Phục Nhứt	Huyện Chợ Gạo
25	THPT Thủ Khoa Huân	Huyện Chợ Gạo
26	THPT Trần Văn Hoài	Huyện Chợ Gạo
27	THPT Vĩnh Bình	Huyện Gò Công Tây
28	THCS - THPT Long Bình	Huyện Gò Công Tây
29	THPT Nguyễn Văn Thìn	Huyện Gò Công Tây
30	THCS - THPT Đoàn Trần Nghiệp	Huyện Gò Công Tây
31	THPT Trương Định	Thị xã Gò Công
32	THPT Bình Đông	Thị xã Gò Công
33	THPT Gò Công	Thị xã Gò Công
34	THPT Gò Công Đông	Huyện Gò Công Đông
35	THPT Nguyễn Văn Côn	Huyện Gò Công Đông
36	THCS - THPT Phú Thạnh	Huyện Tân Phú Đông
37	THCS - THPT Tân Thới	Huyện Tân Phú Đông
II	**Danh mục hạ tầng giáo dục đào tạo dự kiến xây mới**	
1	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Thành phố Mỹ Tho
2	Trường THPT Tân Mỹ Chánh	Thành phố Mỹ Tho
3	Các cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập	Tỉnh Tiền Giang

II. Khối trường đại học, cao đẳng

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
	Danh mục hạ tầng giáo dục đào tạo nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	
1	Trường Đại học Tiền Giang	Huyện Châu Thành
2	Các trường đại học ngoài công lập	Tỉnh Tiền Giang

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình giáo dục đào tạo khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Khối trường Cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp

STT	Tên dự án	Địa điểm	Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục
1	Trường Cao đẳng Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị
2	Trường Cao đẳng Y tế	Thành phố Mỹ Tho	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị
3	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	Thành phố Mỹ Tho	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị
4	Trường cao đẳng ngoài công lập	Huyện Tân Phước	Kêu gọi đầu tư, xây dựng mới
5	Trường cao đẳng ngoài công lập	Thị xã Gò Công	Kêu gọi đầu tư, xây dựng mới

II. Khối trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp

STT	Tên dự án	Địa điểm	Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục
1	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Cái Bè	Huyện Cái Bè	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị
2	Trường Trung cấp Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị
3	Trường Trung cấp Gò Công	Thị xã Gò Công	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cấp thành trường cao đẳng
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị

STT	Tên dự án	Địa điểm	Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục
5	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị
6	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị
7	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Gò Công Tây	Huyện Gò Công Tây	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị
8	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Gò Công Đông	Huyện Gò Công Đông	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị
9	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân	Thành phố Mỹ Tho	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị
10	Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập	Tỉnh Tiền Giang	Xây dựng mới

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình giáo dục dạy nghề khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Các công trình hạ tầng văn hóa, thể thao cấp tỉnh

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
I	**Danh mục hạ tầng văn hóa, thể thao dự kiến cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất**	
I.1	**Văn hóa**	
1	Trung tâm Văn hóa tỉnh	Phường 4 - thành phố Mỹ Tho
2	Thư viện tỉnh	Phường 4 - thành phố Mỹ Tho
3	Bảo tàng tỉnh	Phường 7 - thành phố Mỹ Tho
I.2	**Thể thao**	
1	Trụ sở làm việc Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh	Phường 6 - thành phố Mỹ Tho
2	Sân vận động	Phường 6 - thành phố Mỹ Tho
3	Nhà thi đấu đa môn	Phường 6 - thành phố Mỹ Tho
4	Nhà tập luyện thể thao	Phường 6 - thành phố Mỹ Tho
5	Khu thể thao dưới nước	Phường 6 - thành phố Mỹ Tho
6	Các công trình thể thao khác: Cụm sân quần vợt, Trụ sở làm việc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, Khu nhà nghỉ vận động viên...	Phường 6 - thành phố Mỹ Tho
7	Sân gôn	Huyện Tân Phước

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
II	**Danh mục hạ tầng văn hóa, thể thao dự kiến xây mới**	
II.1	**Văn hóa**	
1	Trung tâm Văn hóa tỉnh	Xã Đạo Thạnh - thành phố Mỹ Tho
2	Thư viện tỉnh + Thư viện điện tử	Xã Đạo Thạnh - thành phố Mỹ Tho
3	Bảo tàng tỉnh	Xã Đạo Thạnh - thành phố Mỹ Tho
4	Hệ thống thông tin ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch của tỉnh	Trên địa bàn tỉnh
5	Hệ thống Du lịch thông minh, Wifi thông minh	Trên địa bàn tỉnh
6	Số hóa di sản văn hóa tỉnh giai đoạn 2021 - 2030	Bảo tàng Tiền Giang và 4 khu di tích: Rạch Gầm - Xoài Mút; Long Hưng; Ấp Bắc; Gò Thành

II. Các công trình hạ tầng văn hóa, thể thao cấp huyện

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
I	**Danh mục hạ tầng văn hóa, thể thao dự kiến cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất**	
I.1	**Văn hóa**	
1	Hội trường đa năng + Trụ sở làm việc	Huyện Cái Bè
2	Hội trường đa năng + Trụ sở làm việc	Huyện Châu Thành
3	Hội trường đa năng + Trụ sở làm việc	Huyện Chợ Gạo
4	Hội trường đa năng + Trụ sở làm việc	Huyện Gò Công Tây
I.2	**Thể thao**	
1	Nhà tập luyện thể thao	Huyện Cai Lậy

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
2	Hồ bơi	
3	Sân vận động	Thị xã Cai Lậy
4	Hồ bơi	Huyện Châu Thành
5	Sân vận động	
6	Nhà thi đấu đa năng	Thành phố Mỹ Tho
7	Sân vận động	
8	Hồ bơi (khu thể thao phía Đông)	
9	Hồ bơi	Huyện Chợ Gạo
10	Sân vận động	
11	Nhà tập luyện thể thao	
12	Sân vận động	Huyện Gò Công Tây
13	Nhà tập luyện thể thao	
14	Sân vận động	Thị xã Gò Công
15	Hồ bơi	
16	Nhà tập luyện thể thao	Huyện Gò Công Đông
17	Sân vận động	
18	Các công trình thể thao khác: Trụ sở làm việc Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh cấp huyện và các cụm sân thể thao ngoài trời	Trên địa bàn tỉnh
II	**Danh mục hạ tầng văn hóa, thể thao dự kiến xây mới**	
II.1	**Văn hóa**	
1	Trụ sở Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh	Huyện Tân Phước
2	Hội trường nhà đa năng	
3	Hội trường đa năng	Huyện Tân Phú Đông

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
II.2	**Thể thao**	
1	Nhà tập luyện thể thao	Huyện Cái Bè
2	Hồ bơi	
3	Sân vận động	
4	Nhà tập luyện thể thao và các phòng chức năng	Huyện Tân Phước
5	Sân vận động	
6	Nhà tập luyện thể thao	Huyện Châu Thành
7	Hồ bơi thành phố Mỹ Tho (Khu thể thao trung tâm)	Thành phố Mỹ Tho
8	Hồ bơi	Huyện Gò Công Tây
9	Nhà thể thao đa năng	Thị xã Gò Công
10	Sân vận động	Huyện Tân Phú Đông
11	Nhà tập luyện thể thao	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình văn hóa thể thao khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

Phụ lục XVII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, SIÊU THỊ TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Siêu thị

Địa phương	Số siêu thị đến năm 2030	Trong đó số siêu thị tăng thêm theo phân hạng siêu thị so với năm 2020
Tỉnh	**39**	**27**
Thành phố Mỹ Tho	11	4
Thị xã Cai Lậy	4	2
Thị xã Gò Công	5	3
Huyện Tân Phước	3	3
Huyện Cái Bè	4	4
Huyện Cai Lậy	2	2
Huyện Châu Thành	3	2
Huyện Chợ Gạo	2	2
Huyện Gò Công Tây	2	2
Huyện Gò Công Đông	2	2
Huyện Tân Phú Đông	1	1

Ghi chú: Tên, quy mô, phân hạng và phạm vi ranh giới các siêu thị sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập dự án đầu tư.

II. Trung tâm thương mại

Địa phương	Số trung tâm thương mại đến năm 2030	Trong đó số trung tâm thương mại tăng thêm theo phân hạng trung tâm thương mại so với năm 2020
Tỉnh	**22**	**21**
Thành phố Mỹ Tho	8	7

Địa phương	Số trung tâm thương mại đến năm 2030	Trong đó số trung tâm thương mại tăng thêm theo phân hạng trung tâm thương mại so với năm 2020
Thị xã Cai Lậy	2	2
Thị xã Gò Công	1	1
Huyện Tân Phước	1	1
Huyện Cái Bè	2	2
Huyện Cai Lậy	2	2
Huyện Châu Thành	2	2
Huyện Chợ Gạo	1	1
Huyện Gò Công Tây	1	1
Huyện Gò Công Đông	1	1
Huyện Tân Phú Đông	1	1

Ghi chú: Tên, quy mô, phân hạng và phạm vi ranh giới các trung tâm thương mại sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập dự án đầu tư.

Phụ lục XVIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG AN SINH XÃ HỘI TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm
I	**Danh mục hạ tầng an sinh xã hội dự kiến củng cố, nâng cấp**	
1	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang	Huyện Châu Thành
2	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 2)	Huyện Châu Thành
3	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 3)	Huyện Châu Thành
4	Trung tâm công tác xã hội	Thành phố Mỹ Tho
II	**Danh mục hạ tầng an sinh xã hội dự kiến xây mới**	
1	Trung tâm công tác xã hội khu vực Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy
2	Trung tâm công tác xã hội khu vực Gò Công	Huyện Gò Công Đông
3	Các cơ sở hạ tầng an sinh xã hội ngoài công lập	Tỉnh Tiền Giang

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình an sinh xã hội khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

Phụ lục XIX

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng (ha)	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tỉnh đề xuất theo nhu cầu phát triển (ha)
				Diện tích đến năm 2030 (ha)	Chênh lệch so với hiện trạng (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	**LOẠI ĐẤT (1+2+3)**		**255.636**	**255.636**	**0**	**255.636**
1	Đất nông nghiệp	NNP	190.265	191.905	1.640	191.905
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	54.599	44.605	-9.994	44.605
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	54.599	44.605	-9.994	44.605
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	113.164			114.396
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.389	2.117	728	2.117
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	697	1.900	1.203	1.900
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	53.739	62.752	9.013	62.752
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	660	728	68	728
2.2	Đất an ninh	CAN	1.720	1.556	-164	1.556
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.103	1.783	680	1.783

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng (ha)	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tỉnh đề xuất theo nhu cầu phát triển (ha)
				Diện tích đến năm 2030 (ha)	Chênh lệch so với hiện trạng (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	129			1.187
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	612			1.942
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	621			1.215
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện	DHT	9.742	13.638	3.897	13.638
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	8.753	11.902	3.149	11.902
-	Đất thủy lợi	DTL	154			261
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	78	131	53	131
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	84	136	52	136
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	455	788	333	788
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	98	212	114	212
-	Đất công trình năng lượng	DNL	40	103	63	103
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	10	25	15	25
2.9	Đây xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		4	4	4

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng (ha)	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tỉnh đề xuất theo nhu cầu phát triển (ha)
				Diện tích đến năm 2030 (ha)	Chênh lệch so với hiện trạng (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	42	54	12	54
2.11	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	32	95	63	95
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	9.839			10.010
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.045			3.132
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	243			331
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6			13
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	233			242
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	676			703
3	Đất chưa sử dụng	CSD	11.631	979	-10.653	979
II	**KHU CHỨC NĂNG (*)**					
1	Đất khu công nghệ cao	KCN				800
2	Đất khu kinh tế	KKT				
3	Đất đô thị	KDT	10.932	21.555	10.623	21.555
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	54.599			44.605

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng (ha)	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tỉnh đề xuất theo nhu cầu phát triển (ha)
				Diện tích đến năm 2030 (ha)	Chênh lệch so với hiện trạng (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	Khu lâm nghiệp	KLN	2.086			4.016
6	Khu du lịch	KDL				23.454
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	100			351
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC	1.232			2.970
9	Khu đô thị	DTC				4.340
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM				3.039
11	Khu dân cư nông thôn	DNT	22.557			23.096

Ghi chú:

- Việc khoanh vùng sử dụng đất đai phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Khu chức năng không tổng hợp khi tính diện tích đất tự nhiên; trường hợp các chỉ tiêu sử dụng đất được điều chỉnh, bổ sung theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia đúng quy định pháp luật.

Phụ lục XX

DANH SÁCH CÁC KHU VỰC THUỘC VÙNG BẢO VỆ NGHIÊM NGẶT, VÙNG HẠN CHẾ PHÁT THẢI TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu vực (*)	Vị trí dự kiến (1)	Quy mô dự kiến (ha)
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt** (2)		
1	Tiểu vùng Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười	Huyện Tân Phước	107
2	Tiểu vùng nội thành thành phố Mỹ Tho	11 phường và các xã của thành phố Mỹ Tho	1.768
3	Tiểu vùng nội thành, nội thị các thị xã: Gò Công và Cai Lậy	05 phường và các xã của thị xã Gò Công 06 phường và các xã hiện tại và mở rộng của thị xã Cai Lậy	2.423
4	Tiểu vùng Các con sông cung cấp nước sinh hoạt từ 10.000 m^3/ ngày đêm: Sông Tiền và Kênh Sáu Ầu - Xoài Hột	Thành phố Mỹ Tho; các huyện Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông; Châu Thành; Tân Phước	235.189
5	Tiểu vùng Các khu du lịch sinh thái: Khu du lịch Thới Sơn; Khu du lịch sinh thái Cồn Ngang; Khu du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười; Khu du lịch sinh thái Hòa Hưng; Trung tâm Nuôi trồng Nghiên cứu Chế biến Dược liệu Cục hậu cần Quân khu 9 (Trại rắn Đồng Tâm); Trung tâm Giống nông nghiệp Tiền Giang; Khu ốc	Thành phố Mỹ Tho; các huyện: Tân Phú Đông, Tân Phước, Cái Bè, Châu Thành, Cai Lậy, Gò Công Đông	7.850

TT	Tên khu vực (*)	Vị trí dự kiến (1)	Quy mô dự kiến (ha)
	gạo cù lao Tân Phong và dãy Rừng ngập mặn Gò Công Đông, Tân Phú Đông và Tân Phước		
6	Khu vực bảo vệ I của 187 di tích lịch sử - văn hóa	Tỉnh Tiền Giang	Theo bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích
7	Tiểu vùng Khu vực các cơ sở giáo dục - đào tạo	Thành phố Mỹ Tho và tất cả các huyện	716
8	Tiểu vùng Các công viên trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho và tất cả các huyện	68
II	**Hạn chế phát thải** (2)		
1	Khu vực liền kề Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười	Huyện Tân Phước	244
2	Tiểu vùng Khu dân cư tập trung ở đô thị và các trung tâm xã: Các thị trấn Cái Bè, Chợ Gạo, Mỹ Phước, Tân Hiệp, Tân Hòa, Vĩnh Bình, Vàm Láng, Bình Phú và An Hữu và toàn bộ trung tâm huyện và xã được quy hoạch	Các huyện: Cái Bè, Chợ Gạo, Tân Phước, Châu Thành, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Cai Lậy	6.083
3	Khu vực bảo vệ II của 187 di tích lịch sử - văn hóa	Tỉnh Tiền Giang	Vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I theo bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích

TT	Tên khu vực (*)	Vị trí dự kiến (1)	Quy mô dự kiến (ha)
4	Tiểu vùng Các khu vực phát triển du lịch: Vùng biển Gò Công Đông; vùng rừng ngập nước Đồng Tháp Mười; vùng cây ăn trái dọc sông Tiền; vùng chợ nổi Cái Bè và Vùng cù lao Thới Sơn	Thành phố Mỹ Tho và các huyện: Gò Công Đông, Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè	36.500
5	Tiểu vùng các khu vực tập trung sản xuất nông nghiệp trọng điểm: Các nơi thí điểm cánh đồng mẫu lớn (Khu vực trồng lúa nước từ 2 vụ trở lên với diện tích liền khoảnh trên 500 ha), trồng rau màu với diện tích lớn, các khu dự kiến quy hoạch nông nghiệp công nghệ cao	Các huyện: Cai Lậy, Cái Bè, và Gò Công Đông	19.043

(*) Vị trí, ranh giới cụ thể của các khu vực thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành quyết định theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Phụ lục XXI
TỔNG HỢP CÁC KHU VỰC TIỀM NĂNG THĂM DÒ, KHAI THÁC CÁT LÒNG SÔNG TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu vực mỏ, dự án khai thác	Diện tích (ha)	Địa điểm dự kiến	Trữ lượng huy động sau khi trừ vùng cấm (m^3)	Trữ lượng khai thác dự kiến đến năm 2030 (m^3)
I	**Khu vực mỏ cát, dự án cấp mới (không quá 5 năm)**				
1	Khu vực xã Tân Thanh	...	Huyện Cái Bè	1.235.960	485.960
2	Khu vực xã Hòa Hưng	...	Huyện Cái Bè	637.173	-
3	Khu vực xã Ngũ Hiệp	...	Huyện Cai Lậy	2.598.889	1.998.889
4	Khu vực xã Kim Sơn, Phú Phong	...	Huyện Châu Thành	2.458.250	1.708.250
5	Khu vực xã Song Thuận	...	Huyện Châu Thành	1.220.000	820.000
6	Khu vực xã Bình Đức, Thới Sơn	...	Huyện Châu Thành và thành phố Mỹ Tho	1.828.000	1.428.000
7	Khu vực xã Tân Thạnh	...	Huyện Tân Phú Đông	3.376.809	2.476.809
8	Khu vực xã Phú Tân	...	Huyện Tân Phú Đông	1.967.475	1.517.475
9	Khu vực xã Phú Đông	...	Huyện Tân Phú Đông	2.250.336	1.800.336

TT	Tên khu vực mỏ, dự án khai thác	Diện tích (ha)	Địa điểm dự kiến	Trữ lượng huy động sau khi trừ vùng cấm (m^3)	Trữ lượng khai thác dự kiến đến năm 2030 (m^3)
10	Khu vực xã Tân Phú, Long Vĩnh, Long Bình	...	Huyện Tân Phú Đông và huyện Gò Công Tây	1.344.000	894.000
11	Khu vực xã Phú Thạnh, Phú Đông, Phước Trung	...	Huyện Tân Phú Đông và huyện Gò Công Đông	1.695.400	1.245.400
12	Khu vực xã Bình Xuân	...	Thị xã Gò Công	1.330.000	830.000
II	**Khu vực mỏ sét gạch ngói, dự án đã cấp (8 năm từ năm 2023 đến năm 2030)**				
1	Khu vực xã Tân Lập 1 (công suất 60.000 m^3/ năm)	58,75	Huyện Tân Phước	1.313.487	833.487
2	Khu vực ấp Tân Quới (công suất 99.900 m^3/ năm)	43	Xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành	2.970.425	2.171.225

Ghi chú:

- Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác cát và khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030 phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản bảo đảm không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản.

- Các khu vực thăm dò, khai thác cát xây dựng, san lấp bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều 13 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đối với các điểm mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan, rà soát và tự điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành. Đối với các điểm mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, sẽ căn cứ các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai, thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang rà soát, xác định và điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành.

Phụ lục XXII

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
I	**CÔNG NGHIỆP**		
1	Khu công nghiệp Dịch vụ dầu khí Soài Rạp	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp
2	Các cụm công nghiệp Thạnh Hòa, Mỹ Phước 1, Mỹ Phước 2, Mỹ Phước 3	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Các cụm công nghiệp Đồng Sơn, Long Bình, Vĩnh Hựu, Mỹ Lợi, Phú Thạnh, Phú Tân	Vùng phía Đông	Vốn doanh nghiệp
4	Tổ hợp Nhà máy kết cấu thép	Huyện Gò Công Đông	Vốn doanh nghiệp
5	Các nhà máy chế biến nông sản	Tỉnh Tiền Giang	Vốn doanh nghiệp
6	Đầu tư phát triển công nghiệp chế biến trái cây, lương thực, thủy sản	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
7	Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các khu, cụm công nghiệp trong quy hoạch	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
8	Khu công nghiệp Bình Đông	Thị xã Gò Công	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
9	Khu công nghiệp Tân Phước 1	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
10	Khu công nghiệp Tân Phước 2	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
11	Vùng công nghiệp tập trung: Long Giang, Tân Hương - chế biến, chế tạo, cảng cạn	Huyện Tân Phước; huyện Châu Thành	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
12	Vùng trung tâm công nghiệp xanh, chuỗi sản phẩm: Tân Phước	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
13	Vùng chế biến công nghệ cao, dược phẩm (huyện Gò Công Đông)	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
14	Vùng logistics hàng hải, dịch vụ dầu khí, cảng năng lượng: Soài Rạp, sông Tra	Huyện Gò Công Đông; huyện Gò Công Tây	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
15	Tổ hợp các nhà máy hóa chất	Huyện Tân Phước	Vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
16	Các dự án sản xuất công nghiệp chế biến	Huyện Châu Thành	Vốn doanh nghiệp
II	**NÔNG NGHIỆP**		
1	Các dự án tại khu dịch vụ hậu cần nghề cá	Huyện Gò Công Đông	Vốn doanh nghiệp
2	Khu chăn nuôi và các dịch vụ hậu cần chăn nuôi tại xã Thạnh Hòa	Huyện Tân Phước	Vốn doanh nghiệp
3	Các dự án nuôi trồng thủy sản tại xã Phú Tân	Huyện Tân Phú Đông	Vốn doanh nghiệp
4	Các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
III	**THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH**		
1	Trung tâm thương mại dịch vụ tỉnh Tiền Giang (thuộc Quảng trường Trung tâm tỉnh Tiền Giang); Các dự án Thương mại, dịch vụ tại số 89, 47, 27, 19A, 17 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4; số 04 Lê Lợi, phường 1; phường 6 - thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Khu Thương mại phức hợp và Dịch vụ y tế Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Vốn doanh nghiệp
3	Khu dịch vụ hỗn hợp sông Tiền	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Trung tâm thương mại dịch vụ kinh doanh nông sản	Huyện Cái Bè	Vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
5	Xây dựng, nâng cấp, chỉnh trang các Chợ đầu mối, Trung tâm thương mại và các công trình thương mại cấp thiết khác trên địa bàn toàn tỉnh	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
6	Phát triển du lịch đô thị tại thành phố Mỹ Tho, Gò Công, thị trấn Cái Bè, thị trấn Vàm Láng, đô thị Tân Điền, thị trấn Tân Hòa, thị trấn Chợ Gạo	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
7	Khu du lịch sinh thái - tâm linh (Chùa Liên Hoa) và các dự án du lịch sinh thái trên địa bàn huyện Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
8	Các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Cồn Ngang (Tân Phú Đông), khu du lịch sinh thái cù lao Thới Sơn, khu Vui chơi giải trí cao cấp cồn Tân Long (thành phố Mỹ Tho), khu du lịch sinh thái Hòa Hưng (Cồn Cổ Lịch), khu du lịch Long Bình, Khu Du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng Cồn Quy (huyện Cái Bè)...	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
9	Khu du lịch sinh thái - tâm linh (Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác và Khu Bảo tồn thiên nhiên Đồng Tháp Mười) và các dự án du lịch sinh thái trên địa bàn huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Vốn doanh nghiệp
10	Khu du lịch biển Tân Thành - Hàng Dương	Huyện Gò Công Đông	Vốn doanh nghiệp
11	Khu du lịch dịch vụ gắn với trục dịch vụ du lịch sông nước: sông Long Uông (huyện Gò Công Đông) và sông Gò Công (thị xã Gò Công)	Tỉnh Tiền Giang	Vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
12	Khu du lịch sinh thái Cồn Ngang	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
13	Khu du lịch Làng cổ và Lễ hội Văn hóa - Du lịch Làng cổ Đông Hòa Hiệp	Huyện Cái Bè	Vốn doanh nghiệp
14	Các hạng mục du lịch cần đầu tư tại khu Tây Tân Phong, khu đất Huyện ủy	Huyện Cai Lậy	Vốn doanh nghiệp
15	Cải tạo, tu bổ các dự án - Di tích lịch sử quốc gia; Di tích quốc gia đặc biệt; hệ thống di tích lịch sử gắn với tín ngưỡng thờ cúng	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
16	Các khu liên hợp thể thao trên địa bàn, sân vận động, tập luyện bóng đá,...	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
17	Mở rộng Khu bảo tồn và du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
18	Trồng rừng vùng đệm (phần mở rộng thêm 244 ha)	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
19	Sân gôn	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
IV	**PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**		
1	Xây dựng các đô thị, khu dân cư trên địa bàn thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công và các huyện theo quy hoạch xây dựng được duyệt	Tỉnh Tiền Giang	Vốn doanh nghiệp
2	Xây dựng các khu thương mại dịch vụ và nhà ở theo quy hoạch phân khu được duyệt	Tỉnh Tiền Giang	Vốn doanh nghiệp
3	Các khu công viên, quảng trường ven sông	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Xây dựng Khu đô thị thông minh Tân Điền (quy mô dự kiến 2.860 ha)	Huyện Gò Công Đông	Vốn doanh nghiệp
5	Xây dựng Khu đô thị biển Gò Công Đông (quy mô dự kiến 7.080 ha)	Huyện Gò Công Đông	Vốn doanh nghiệp
6	Xây dựng các khu tái định cư	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
7	Phát triển các khu dân cư, thương mại, dịch vụ hai bên tuyến đường bộ ven biển	Vùng phía Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
V	**KẾT CẤU HẠ TẦNG**		
V.1	**Kết cấu hạ tầng giao thông**		
1	Nâng cấp, đầu tư mới các tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh (xây dựng mới quốc lộ 50B (Trục động lực Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang); nâng cấp quốc lộ 62 và xây dựng mới cầu Đồng Sơn; nâng cấp quốc lộ 30B; quốc lộ 30C...)	Huyện Chợ Gạo, thành phố Mỹ Tho, huyện Gò Công Tây	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
2	Xây dựng tuyến đường bộ ven biển kết nối Tiền Giang - Bến Tre	Huyện Tân Phú Đông, huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Xây dựng mới các tuyến, đoạn tuyến nối dài đường tỉnh gồm các trục ngang, trục dọc trên địa bàn tỉnh như: ĐT.864 nối dài; ĐT.877C; ĐT.862B (trục đô thị biển); ĐT.868B; ĐT.866C; ĐT.873C; đường vành đai phía Tây Nam thị xã Gò Công; đường kết nối 02 đô thị Vĩnh Bình và Long Bình huyện Gò Công Tây; đường vành đai Đông Bắc thành phố Mỹ Tho; đường kết nối từ ĐT.870 đến quốc lộ 60 (Nguyễn Thị Thập); ĐT.877B (đoạn ngã ba Cây Dông đến đầu Cồn Ngang); ĐT.871C (đoạn cuối tuyến theo hướng mới); ĐT.879D nối dài đến Rạch Tràm (giáp tỉnh Long An); ĐT.870B nối dài đến nút giao vòng xoay Chùa Phước Lâm (cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương); ĐT.866B nối dài đến quốc lộ1 (ngã ba Hòa Tịnh); ĐT.878 nối dài đến ĐH.40 (ĐT.865B quy hoạch) và đầu tư hoàn thành toàn tuyến theo quy hoạch; tuyến tránh ĐT.868 qua thị xã Cai Lậy (phía Nam quốc lộ 1); ĐT.872B nối dài đến Bình Xuân; ĐT.874 nối dài đến ĐT.864; ĐT.874B nối dài đến ĐT.864; đường và cầu kết nối ĐT.863 - ĐT.861; ...	Các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Xây dựng các cầu tăng cường kết nối (Cầu Vàm Cái Thia trên ĐT.864, Cái Bè; cầu qua sông Mỹ Đức Tây, Cái Bè; cầu Tân Phong, huyện Cai Lậy; cầu Tân Thạnh, huyện Tân	Các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
	Phú Đông; cầu Vàm Bà Thửa, thị xã Cai Lậy; cầu Trần Hưng Đạo (qua sông Bảo Định), thành phố Mỹ Tho; cầu qua kênh Tháp Mười số 2 (kênh Nguyễn Văn Tiếp) trên ĐT.868B; cầu Cống Đập Gò Công trên ĐT.873B; các cầu thép, BTCT xuống cấp, khổ cầu và tải trọng hạn chế không đồng bộ trên hệ thống đường tỉnh;...		
5	Đầu tư nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh được quy hoạch từ các đường huyện như: ĐH.861B (ĐH.81, ĐH.82); ĐT.865B (ĐH.40, ĐH.45B); ĐT.875C (ĐH.71, ĐH.71B); ĐT.877D (ĐH.89, ĐH.26B); ĐT.880 (ĐH.35, ĐH.62, ĐH.67); ĐT.880B (ĐH.52, đường lộ Dây Thép)	Các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
6	Đầu tư, nâng cấp, cải tạo các bến, bãi xe khách, hàng hóa,...; các cơ sở đào tạo và sát hạch lái xe; các trung tâm đăng kiểm xe cơ giới;...	Các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
7	Nạo vét luồng hàng hải sông Soài Rạp cho tàu đến 70.000 tấn	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
8	Nạo vét tuyến luồng hàng hải sông Tiền cho tàu 5.000 tấn	Huyện Gò Công Đông, huyện Tân Phú Đông, huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo, thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
9	Xây dựng các khu cảng, bến hành khách trên sông Tiền, sông Soài Rạp,...	Huyện Gò Công Đông, huyện Tân Phú Đông, huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo, thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Cai Lậy, huyện Cái Bè	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
10	Xây dựng các khu cảng, bến hàng hóa trên trên sông Tiền, sông Soài Rạp, sông Vàm Cỏ, kênh Tháp Mười số 2 (kênh Nguyễn Văn Tiếp), kênh Xáng Long Định (kênh Nguyễn Tấn Thành),... các bến phao; khu neo đậu chuyển tải, tránh trú bão;...	Các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
11	Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng hóa hiện hữu như: Cảng cá Tiền Giang, cảng cá Vàm Láng, cảng kho xăng dầu Quang Trung, cảng kho xăng dầu Bình Đức, cảng nông sản Việt Nguyên, cảng Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp, cảng ngoại quan và thương mại dầu khí Nam Sông Hậu, cảng nông sản lương thực Tiền Giang, cảng Lê Thạch,... Các cảng hành khách hiện hữu như: Cảng du thuyền Mỹ Tho, cảng khách Cái Bè, cảng khách Soài Rạp,...	Các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
12	Trung tâm logistic các huyện: Tân Phước, Gò Công Đông, Cái Bè và thành phố Mỹ Tho	Huyện Tân Phước, huyện Gò Công Đông, huyện Cái Bè và thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
V.2	**Kết cấu hạ tầng thủy lợi**		
1	Cống âu Nguyễn Tấn Thành thuộc Dự án Công trình kiểm soát nguồn nước kênh Xáng Long Định (kênh Nguyễn Tấn Thành) và bờ hữu sông Vàm Cỏ Tây	Huyện Châu Thành	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên đường tỉnh 864 (giai đoạn 1)	Huyện Châu Thành, huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên đường tỉnh 864 (giai đoạn 2)	Huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Gò Công	Huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo, thị xã Gò Công	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
5	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Bảo Định (thuộc 02 tỉnh: Long An và Tiền Giang)	Huyện Chợ Gạo, huyện Tân Phước, huyện Châu Thành, thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
6	Hoàn thiện ô bao Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp B - Kênh 5, huyện Cái Bè	Huyện Cái Bè	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
7	Hoàn thiện ô bao Tây, Đông kênh Mỹ Long - Bà Kỳ	Thị xã Cai Lậy, huyện Châu Thành, huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
8	Hoàn thiện ô bao Tây sông Phú An huyện Cai Lậy và khu 3, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè	Huyện Cái Bè, huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
9	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống đê và trạm bơm vùng chuyên canh khóm huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
10	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ nuôi trồng thủy sản ấp Cồn Cống, xã Phú Tân và ấp Gảnh, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
11	Xây dựng đê và các cống ngăn mặn Cù lao Ngũ Hiệp	Huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
12	Đầu tư xây dựng đê và các cống ngăn mặn cù lao Tân Phong	Huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
13	Đầu tư xây dựng đê và các cống ngăn mặn cù lao Thới Sơn	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
14	Chống ngập thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
15	Hệ thống thủy lợi Cả Nai - Cây Còng và Cầu Gió - Cả Nai	Huyện Châu Thành	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
16	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi bảo vệ vườn chuyên canh cây ăn trái	Huyện Cái Bè, huyện Cai Lậy, thị xã Cai Lậy, huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
17	Xây dựng hệ thống quan trắc và dự báo xâm nhập mặn phục vụ quản lý hệ thống thủy lợi tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
18	Đầu tư 2 cống trên hai đầu sông Cửa Trung để tạo thành hồ chứa nước ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho toàn huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
19	Điều tra đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước quan trọng tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
20	Lập danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước chính quan trọng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
21	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống giám sát chất lượng nước mặt, giám sát xả thải trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
22	Xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên nước và kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
23	Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả đầu tư Dự án chuyển nước ngọt qua kênh Chợ Gạo cấp nước cho vùng ngọt hóa Gò Công	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
24	Nghiên cứu và đầu tư dự án xây dựng cống Hàm Luông kiểm soát xâm nhập mặn cho Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long	Tỉnh Bến Tre	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
25	Nghiên cứu và đầu tư dự án xây dựng cống trên sông Vàm Cỏ kiểm soát xâm nhập mặn cho Tiền Giang, Long An	Tỉnh Long An	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
V.3	**Kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai**		
1	Bờ kè sông Ba Rài	Thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Nâng cấp đê biển Gò Công (giai đoạn 2)	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Xử lý sạt lở Khu vực Cồn Ngang, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
4	Xử lý sạt lở bờ sông khu vực đầu mõm xã Tân Thới	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
5	Nâng cấp đê biển giai đoạn 3 (xử lý xói lở bờ biển Gò Công đoạn từ cầu Rạch Bùn đến Đèn Đỏ)	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
6	Nâng cấp đê dự phòng bờ Đông kênh Ba	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
7	Nâng cấp các tuyến đê ven sông Cửa Tiểu vùng dự án ngọt hóa Gò Công	Huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
8	Nâng cấp các tuyến đê Sông Tra; Đông, Tây rạch Gò Công; Soài Rạp vùng dự án ngọt hóa Gò Công	Huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
9	Xây dựng mới tuyến đê biển và các cống dưới đê huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
10	Nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đê ven sông Cửa Đại, Cửa Trung và Cửa Tiểu	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
11	Nâng cấp và xây dựng mới tuyến đê dọc hai bên rạch Bà Từ	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
12	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực cù lao Tân Phong, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy	Huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
13	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền tại cù lao Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
14	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền tại xã Tân Mỹ Chánh (đoạn từ Tiếp giáp kè phường 2 đến Vàm Kỳ Hôn), thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
15	Xử lý sạt lở đê ven sông Tiền tại 3 xã Hòa Hưng, An Hữu, Tân Thanh - huyện Cái Bè (đoạn 3)	Huyện Cái Bè	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
16	Công trình chống xói lở cù lao Tân Long, thành phố Mỹ Tho, 1.500 m	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
17	Xói lở bờ sông Tiền (đoạn đầu Vàm Kỳ Hôn, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo) - Đoạn 2, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
18	Xử lý sạt lở bờ sông Cái Bè (kênh 28), huyện Cái Bè	Huyện Cái Bè	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
19	Cụm công trình xử lý sạt lở tại các xã	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
20	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực bến phà Tân Long, huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
21	Xử lý sạt lở bờ sông, kênh, rạch các ô bao bảo vệ vườn cây ăn trái phía Tây	Các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành và thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
V.4	**Hạ tầng cấp nước, thoát nước**		
1	Mạng lưới đường ống cấp nước phía Đông và Trạm bơm tăng áp Gò Công	Vùng phía Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Các trạm cấp nước sạch nông thôn	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Đầu tư mạng lưới cấp nước thứ cấp phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Hỗ trợ nâng chất lượng nước của các trạm cấp nước	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
5	Hệ thống điện ngầm khu vực thị trấn Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
6	Nhà máy nước Hiệp Đức	Huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
7	Trạm bơm nước thô và hệ thống ống truyền tải	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
8	Các công trình thoát nước tại các đô thị	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
9	Nhà máy nước huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Vốn doanh nghiệp
V.5	**Hạ tầng khu xử lý chất thải**		
1	Khu xử lý nước thải đô thị	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Khu xử lý chất thải rắn khu vực phía Đông của tỉnh	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Khu xử lý chất thải rắn khu vực phía Tây của tỉnh	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Nhà máy xử lý rác Bình Tân	Huyện Gò Công Tây	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
5	Nhà máy xử lý rác Tân Lập 1	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
V.6	**Hạ tầng năng lượng, khoáng sản, cấp điện**		
1	Kho xăng dầu Thiên Hộ	Huyện Châu Thành	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng cát biển làm cát san lấp trên địa bàn tỉnh, xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Điện gió Tân Thành	Huyện Gò Công Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Điện rác	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
V.7	**Hạ tầng thông tin truyền thông**		
1	Đài Phát thanh - Truyền hình cấp huyện	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Nâng cấp, bổ sung thiết bị phát thanh - truyền hình theo lộ trình số hóa; thiết bị kỹ thuật Đài Phát thanh và Truyền hình; xe truyền hình lưu động, 05 camera chuẩn HD; xây dựng tháp anten phát thanh truyền hình cao 125 m	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
3	Đề án chính quyền số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Xây dựng Trung tâm bưu chính	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
5	Xây dựng mới trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
6	Công viên phần mềm Mekong	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
VI	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI**		
1	Bệnh viện đa khoa vùng, quy mô 500 - 1.000 giường (theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Trung tâm Chấn thương chỉnh hình - Phục hồi chức năng thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
3	Hạ tầng kỹ thuật xung quanh Bệnh Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
4	Trụ sở làm việc các Trung tâm kiểm nghiệm, kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
5	Khu Trung tâm hành chính thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
6	Khu Trung tâm văn hóa thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
7	Trung tâm thể dục thể thao thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
8	Xây mới Trung tâm Y tế thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
9	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng Bệnh viện ĐKKV Cai Lậy, Gò Công	Thị xã Cai Lậy; thị xã Gò Công	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
10	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các TTYT và PKĐK huyện; xây mới, sửa chữa, nâng cấp các TYT xã cần thiết khác	Các huyện	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
11	Xây mới Bệnh viện Mắt Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
12	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Lao và bệnh phổi	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
13	Nâng cấp, cải tạo các bệnh viện: Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
14	Xây mới Trung tâm Pháp Y	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
15	Xây mới Trung tâm Giám định Y khoa	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
16	Xây mới Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
17	Xây dựng mới Trường THPT Trần Hưng Đạo	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
18	Xây dựng mới Trường THPT Tân Mỹ Chánh	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
19	Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng các trường THPT: Huỳnh Văn Sâm, Lưu Tấn Phát, Bình Đông, Tứ Kiệt, Tân Phước, Thủ Khoa Huân, Gò Công Đông, Nguyễn Văn	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
	Côn, Gò Công, Phan Việt Thống, Trương Định, Thiên Hộ Dương, Long Định, Nguyễn Văn Tiếp, Chợ Gạo, Vĩnh Bình, Long Bình, Ngô Văn Nhạc, Tân Thới		
20	Đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng khối phòng hành chính quản trị, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, phòng học, nhà đa năng và công trình phụ... Các trường THCS, tiểu học, mầm non trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
21	Đầu tư trang thiết bị phục vụ chương trình giáo dục phổ thông	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
22	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
23	Đầu tư xây dựng mới 02 trường cao đẳng tại các Khu công nghiệp: Tân Phước, Gò Công	Huyện Tân Phước và vùng phía Đông	Vốn doanh nghiệp
24	Xây dựng, sửa chữa các công trình trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân, thành ủy và các phòng chức năng thành phố Mỹ Tho, huyện Chợ Gạo, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
25	Mở rộng Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Tiền Giang	Huyện Châu Thành	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
26	Nâng cấp Trung tâm công tác xã hội	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
27	Xây mới Trung tâm công tác xã hội khu vực Cai Lậy, Gò Công	Vùng phía Tây và vùng phía Đông	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
28	Nhà đa năng, nhà luyện tập thể thao, sân vận động, hồ bơi các huyện	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
29	Khu Bảo tàng và Thư viện tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
30	Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật và Hội chợ - Triển lãm tỉnh	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
31	Hội trường đa năng, thư viện, nhà truyền thống Trung tâm văn hóa - thể thao các huyện	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
32	Hạ tầng khu thực nghiệm công nghệ sinh học tỉnh Tiền Giang	Huyện Tân Phước	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
33	Hoa viên nghĩa trang thành phố Mỹ Tho, huyện Cai Lậy	Thành phố Mỹ Tho, huyện Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
34	Trung tâm dưỡng lão	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
35	Các cơ sở giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông chất lượng cao), y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp đầu tư từ nguồn ngân sách và xã hội hóa	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước
36	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước
37	Công viên nghĩa trang Vạn Phước Viên xã Tân Lý Đông	Huyện Châu Thành	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
38	Công viên nghĩa trang nhân dân thị xã Gò Công	Thị xã Gò Công	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
39	Công viên nghĩa trang nhân dân Mỹ Phước Tây	Thị xã Cai Lậy	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
VII	**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**		
1	Trồng rừng cây bản địa và phục hồi cảnh quan đa dạng sinh học trên những diện tích đất rừng trồng	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
2	Kiểm kê, quan trắc và xây dựng cơ sở dữ liệu về ĐDSH Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
3	Bảo tồn cảnh quan - ĐDSH trong bối cảnh biến đổi khí hậu trong Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
4	Hoàn thiện mạng lưới quan trắc Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
5	Xây dựng và nâng cấp mạng lưới quan trắc các nguồn tác động	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
6	Kiểm toán các nguồn khí thải, nước thải, chất thải rắn và thực hiện quan trắc chất thải cho Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
7	Tăng cường năng lực quản lý chất lượng môi trường không khí và nước	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
8	Tăng cường năng lực quản lý chất thải nhựa trên địa bàn Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước và vốn doanh nghiệp
VIII	**AN NINH - QUỐC PHÒNG**		
1	Trạm cảnh sát giao thông Châu Thành thuộc phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh	Huyện Châu Thành	Ngân sách nhà nước
2	Đề án Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước

TT	Tên dự án	Địa điểm/ vị trí	Nguồn vốn
3	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Công an tỉnh	Thành phố Mỹ Tho	Ngân sách nhà nước
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Công an các huyện, thành, thị	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước
5	Trụ sở làm việc ban chỉ huy quân sự cấp huyện, cấp xã	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước
6	Các công trình phục vụ hệ thống hạ tầng PCCC	Tỉnh Tiền Giang	Ngân sách nhà nước

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong Danh mục phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đúng cam kết của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang tại Tờ trình số ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Công văn số 8524/UBND-TH ngày 25 tháng 12 năm 2023 và phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, vùng và địa phương, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch cao hơn có liên quan (nếu có). Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Phụ lục XXIII

DANH MỤC BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh	1:250.000
	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	
2	Bản đồ hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội	1:50.000
3	Bản đồ hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	1:50.000
4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	1:50.000
5	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (Mạng lưới cơ sở y tế; văn hóa thể thao; giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp)	1:50.000
6	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (Du lịch, thương mại - dịch vụ, khoa học công nghệ công lập, an sinh xã hội)	1:50.000
7	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp nước; mạng lưới thủy lợi)	1:50.000
8	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Cấp điện; thông tin truyền thông và hạ tầng viễn thông thụ động)	1:50.000
9	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Khu xử lý chất thải và nghĩa trang)	1:50.000
10	Bản đồ hiện trạng thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:50.000
11	Bản đồ hiện trạng môi trường, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:50.000
12	Bản đồ hiện trạng phát triển khu, cụm công nghiệp	1:50.000
13	Bản đồ hiện trạng phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản	1:50.000
14	Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	1:50.000
15	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:50.000

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
16	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:50.000
	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	
17	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (Mạng lưới cơ sở y tế; văn hóa và thể thao; giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp)	1:50.000
18	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (Du lịch, thương mại - dịch vụ; khoa học công nghệ; an sinh xã hội)	1:50.000
	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	
19	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp nước; mạng lưới thủy lợi)	1:50.000
20	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Mạng lưới cấp điện; thông tin truyền thông và hạ tầng viễn thông thụ động)	1:50.000
21	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Khu xử lý chất thải và nghĩa trang)	1:50.000
22	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:50.000
23	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:50.000
24	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:50.000
25	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1:50.000
26	Sơ đồ vị trí các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch	1:50.000
	Sơ đồ chuyên đề	
27	Sơ đồ phương án phát triển khu, cụm công nghiệp	1:50.000
28	Sơ đồ phương án phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản	1:50.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng